

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5455, ARLINGTON VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL # _____
I-171 : Yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN MINH CHANH
Last Middle First
Current Address LƯỜNG THUẬN hamlet, LƯỜNG QUỠY village, GIỒNG TRôm district
BẾN TRE province, VIET NAM
Date of Birth February 10, 1938 Place of Birth PHNOM PENH CAMBODIA
Previous Occupation (before 1975) Captain - Signal branch ARVN
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From I) 23-06-1975 to 15-02-1976
II) 11-11-1982 to 12-01-1985
3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN KIM YẾN
Name
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

	<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
1)-	<u>NGUYỄN KIM YẾN</u>	<u>Older sister</u>
2)-	<u>ALPHONSE NGUYỄN (NGUYỄN MINH HIỂN)</u>	<u>Older brother</u>
3)-	<u>NGUYỄN THỊ KIM ANH</u>	<u>Younger sister</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: April 07th 1990

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN MINH CHANH
 Last (Ten Ho) NGUYEN Middle (Giua) MINH First (Ten goi) CHANH

DATE, PLACE OF BIRTH : February 10th 1938
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) February Day (Ngay) 10th Year (Nam) 1938

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Luong Thuan hamlet, Luong Quoi village,
 (Dia chi tai Viet-Nam) Giồng Trôm district, BEN TRE province, VIET NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) _____
 I) 23-06-1975 - 15-02-1976
 If Yes (Nau co): From (Ti) 11-11-1982 - 12-01-1985

PLACE OF RE-EDUCATION: I) Camp Long Giao - Long Khanh
 CAMP (Trai tu) II) Camp A (Khan La) Bentre

PROFESSION (Nghe nghiep): Farmer

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) Captain - Signal branch AFVN
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): yes
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
 (Ten than nhat tap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 50 Phan ngọc Tông P.2
BEN TRE -VIET NAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN KIM YEN

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (Co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he ve tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: NGUYEN MINH CHANH chanh
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT:
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cu nguoi dien don nay)
Luong Thuan, Luong Quoi, Giồng Trôm, BEN TRE VIET NAM

DATE: April 07th 1990
 Month (Thang) April Day (Ngay) 07th Year (Nam) 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA)

NGUYEN MINH CHANH
(Listed on page 1)

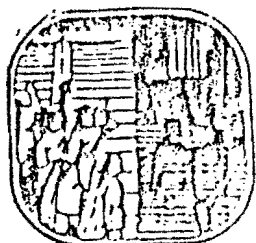
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1)- NGUYEN THI KIM KHOI	20-04-1946	wife
2)- NGUYEN MINH MAN	19-07-1968	son
3)- NGUYEN THI MINH HANG	24-08-1971	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

NGUYEN THI MINH HANG
752/10 Tân Tiên hamlet

Tân Thông Hội village, Củ Chi District
HO CHI MINH city

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5455, ARLINGTON VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN MINH CHÁNH
Last Middle First

Current Address LUÔNG THUẬN hamlet, LUÔNG QUỐI village, GIÔNG TRÒM district
BENTRE Province, VIET NAM

Date of Birth February 10-1948 Place of Birth PHNOM PENH, CAMBODIA

Previous Occupation (before 1975) Captain - Signal branch ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From I) 23-6-1975 - 15-02-1976
II) 11-11-1982 To 12-01-1985

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN KIM YẾN
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

- 1)- NGUYỄN KIM YẾN Older sister
- 2)- ALPHONSE NGUYỄN (NGUYỄN MINH HIẾN) Older brother
- 3)- NGUYỄN THỊ KIM ANH Younger sister

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: April 07th 1990

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : **NGUYEN MINH CHANH**
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : **February 10 th 1938**
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : male Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : **Luong Thuan hamlet, Luong Quoi village**
(Dia chi tai Viet-Nam) **Giông Trôm district, BẾN TRE province, VIET NAM**
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) yes No (Khong) _____
If Yes (Nau co) : From **I) 23-06-1975 - 15-02-1976**
II) 11-11-1982 - 12-01-1985
PLACE OF RE-EDUCATION: **I) Camp Long Giao, Long Khanh**
CAMP (Trai tu) **II) Camp A (Kham La) Bến Tre**
PROFESSION (Nghe nghiep) : Farmer
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) Captain - Signal branch ARVN
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : yes
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 03
(Ten than nhac theo) Xin ghi ben sau voi day du chi t
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lạc tai VN) : 50 Phan ngọc Tông P.2
BẾN TRE - VIET NAM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
NGUYEN KIM YEN
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (Co) : 1 No (Khong) : _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he ve tu nhan tai VN) : _____
NAME & SIGNATURE : NGUYEN MINH CHANH Minh Chanh
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai co nguoi dien don nay)
Luong Thuan, Luong Quoi, Giông Trôm, BẾN TRE - VIET NAM
DATE : April 07th 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA)

NGUYEN MINH CHANH

(listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1)- NGUYEN THI KIM KHOI	20-04-1946	wife
2)- NGUYEN MINH MAN	19-07-1968	son
3)- NGUYEN THI MINH HANG	24-08-1971	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

NGUYEN THI MINH HANG
752/10 Tân Tiên hamlet

Tân Thông Hội village, Củ Chi district
HO CHI MINH city

ADDITIONAL INFORMATION :

Kính Gởi²
Bà KHUẾ MINH THO?

Kính thưa bà,

Kính nhớ bà, với my tình và thể lự, xin cầu
giúp cho hoàn cảnh của gia đình chúng tôi. Chúng tôi không
biết phải dùng lời lẽ nào để diễn tả hết cho bà rõ nỗi
thông khổ và uân khuê của chúng tôi. Chỉ biết nói lên nỗi
thình cẫu bà như lòng thường xót mả cầu giúp chúng tôi.
Toàn gia quyến chúng tôi xin chân thành tri ân bà,

Kính thư,

Nguyễn Minh Chánh

—oanh—

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 92795

Họ tên: NGUYỄN-MINH-CHÁNH

Sinh ngày 10-02-1938

Nguyên quán H. Bình Đại.

Tỉnh Bến Tre

Nơi thường trú Xã Lương Quới
H. Giồng Trôm, T. Bến Tre



Copie of post-1975 government
Identity card

Dân tộc: **kinh** ... Tôn giáo: **Thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

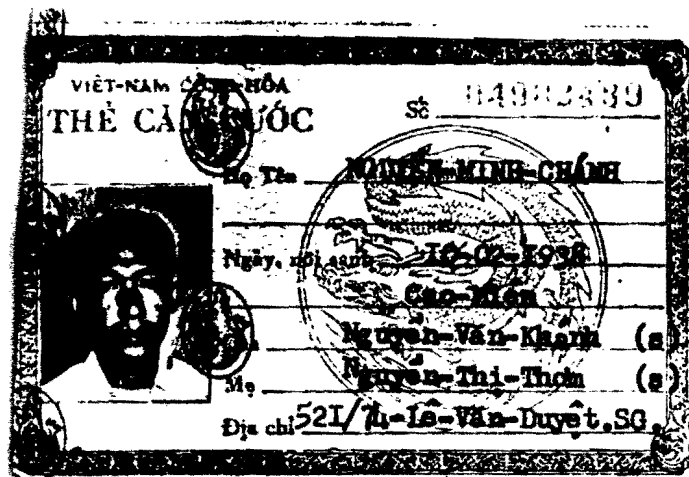
Sẹo chạm c. 2cm trên
sau cánh mũi trái.

Ngày 27 tháng 11 năm 1979

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
ĐƠN VỊ: ...



NGUYỄN VĂN CẢNH

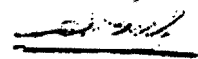


Copie of pre-1975 government
identity card
(REPUBLIC OF VIET NAM)

Dấu vết riêng: **Nứt ruồi I trên
sau cánh mũi trái.**

Cao: 1 th **63**

Nặng: **47** Kg

Chữ ký đương sự: 

Nghĩa trở mặt



Saigon, ngày 20/07/2007 DO
TUN. GIÁM ĐỐC CẢNH SÁT QUỐC
Phó Trưởng Ty CSQG Quận-10

Nghĩa trở trái



TÔNG VĂN BÌNH

Q. G. P. N. D. M. N. V. N.

ĐOÀN 875

Ngày 28 tháng 4 năm 197

GIẤY GIỚI THIỆU TẠM HOÀN HỌC TẬP TẬP TRUNG

Đoàn 875 xin giới thiệu anh (chị) Nguyễn Minh Chánh
nguyên là Đại úy được hoàn học tập tập trung
và được trở về gia đình tại 317/18.

Khi về đến gia đình, anh (chị) Chánh phải trình các giấy
tờ với chính quyền địa phương và tiếp tục trình diện theo quy
định của địa phương.

Đề nghị UBNDCM cơ cấp và cơ quan, đơn vị tiếp tục theo
dõi và giúp đỡ cho anh (chị) Chánh để trở thành
người công dân có ích cho Tổ quốc.

THỦ TRƯỞNG ĐOÀN 875

TRƯỞNG ĐOÀN



BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TỈNH BẾN TRE
TRẠI TẠM GIAM
Số 31 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V.N
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001 — QLTC, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 12
năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966 BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành ~~theo~~, quyết định tha số 147 ngày 22 tháng 12 năm 1984
của Công An Tỉnh Bến Tre.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN MINH CHÁNH

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1938

Nơi sinh Campuchia

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Ấp Lương Thuận, Xã Lương
Quốc, Huyện Trôm, Bến Tre.

Cao tội Tội nghi trốn tránh điện.

Bị bắt ngày 15/11/1982

Án phạt

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ tháng

Nay về cư trú tại Ấp Lương Thuận, Xã Lương Quốc, Huyện Trôm, Bến Tre.

Nhận xét quá trình cải tạo

Lấn tay ngón trỏ phải

Của

Đánh bầm số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Minh Chánh

Bến Tre, ngày 18 tháng 01 năm 1985
GIÁM THỊ TRƯỞNG



Thiền tá : MAI NGỌC AN

VILLE

Phnom-Penh

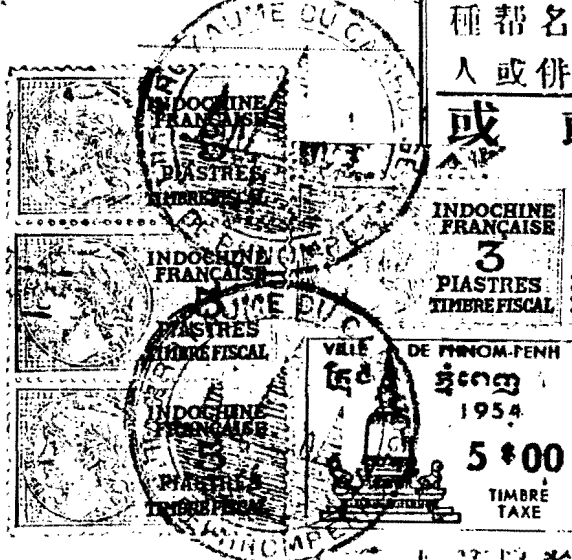
開生紙

BỒN KHAI SANH

Extrait du registre des Actes de Naissance des Indigènes Sujets Français
de la Ville de Phnom-Penh pour l'année mil neuf cent trente-huit.

Acte N° 130.

Année mil-neuf cent



何何姓小
種幫名小
人或併女

或或
男男
生生
何何

小童
何何
姓姓
何何

從種號女
母人併父
姓如何親

生做
崖何
何方住在

或號親小
何併稅童
種何紙小
人幫數女

生做
崖何
何方住在

或或
妾妻

或號名報
何併身生
種何稅人
人幫數姓

歲多幾

Nom, prénoms et nationalité
de l'enfant
Tên, họ và bang hay là
nước nào của đứa con nít

Son sexe.....
Nam, nữ.....

Lieu de sa naissance.....
Sanh tại chỗ nào.....

Date de sa naissance.....
Sanh ngày nào.....

Nom, prénoms, nationalité et n° de
la s'g'e de son père (pour les en-
fants nés hors mariage, le nom de
la mère devra seul être indiqué).

Tên họ, số giấy thuế và
bang hay là nước nào của
cha (con sanh không phép
cưới, phải kê tên họ
mẹ mà thôi).....

Sa profession.....
Làm nghề nghiệp gì....

Son domicile.....
Nhà cửa ở đâu.....

Nom, prénoms, nationalité,
et numéro de sa mère.....

Tên, họ, số giấy và bang
hay là nước nào của mẹ.

Sa profession.....
Làm nghề nghiệp gì....

Son domicile.....
Nhà cửa ở đâu.....

Son rang de femme mariée..
Vợ chánh hay là vợ thứ.

Nom, prénoms, nationalité
et numéro du déclarant.....

Tên, họ, số giấy thuế và
bang hay là nước nào
của người khai.....

Son âge.....
Mấy tuổi.....

Nguyễn-minh-Chanh
Annamite

Masculin

Phnom-Penh
Bd. Charles Thomson

10 Février 1938

Nguyễn-van-Khanh
Annamite

Instituteur

Phnom-Penh

Nguyễn-thi-Thóm
Annamite

Phnom-Penh

Premier rang

Hồ-thi-Huông
Annamite

29 ans

(1) Marge réservée
pour la mention, en
résumé, des jugements
rectificatifs des actes
de l'Etat-Civil.

(1) Lễ chừa để mà
lược biên án tòa cái
giấy khai sanh lại.

Nota... Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.

Phải biết. — Chỗ trắng không dùng thì phải kéo một nét.

Les noms des Asiatiques Étrangers inscrits en Indochine doivent être suivis de leur
numéro d'immatriculation.

Cho những người khách trú ở Đông-Pháp cũng phải đề số hiệu giấy thuế theo
tên họ chúng nó.

業 藝 社 名	做 何 住 何	Sa profession.....	Sage-femme
		Làm nghề nghiệp gì...	
或 何 種 人	稅 併 何 幫	Son domicile.....	Phnom-Penh
		Nhà cửa ở đâu.....	
壹 號 証 人	稅 數 號 証 人	Nom, prénom, nationalité et numéro du 1 ^{er} témoin....	Hea-kim-Siou
		Tên, họ số giấy và bang hay là nước nào của người chứng thứ nhất...	Minh-huong
歲 多 幾	幾 多 歲	Son âge.....	32 ans
		Mấy tuổi.....	
業 藝 社 名	做 何 居 何	Sa profession.....	Secrétaire
		Làm nghề nghiệp gì...	
或 何 種 人	稅 併 何 幫	Son domicile.....	Phnom-Penh
		Nhà cửa ở đâu.....	
貳 號 証 人	稅 數 號 証 人	Nom, prénoms, nationalité et numéro du 2 ^e témoin.....	Nguyễn-vân-Thường
		Tên, họ, số giấy thuế và bang hay là nước nào của người chứng thứ nhì	Annamite
歲 多 幾	幾 多 歲	Son âge.....	33 ans
		Mấy tuổi.....	
業 藝 社 名	做 何 住 何	Sa profession.....	Secrétaire
		Làm nghề nghiệp gì...	
或 何 種 人	稅 併 何 幫	Son domicile.....	Phnom-Penh
		Nhà cửa ở đâu.....	

A Phnom-Penh, le 17 Février 1938. 195.

Tại , ngày 195

Le déclarant :
Người khai :

L'Officier de l'État Civil :
Chức việc coi bộ đời :

Les témoins :
Các người chứng :

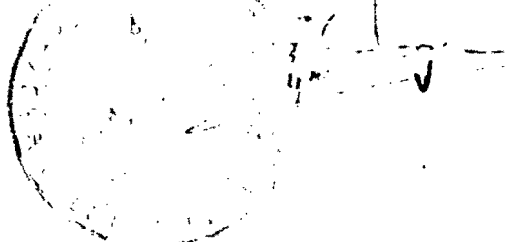
報生人簽名
Signé : HUONG

Signé : Richard de Chicourt.

做証人簽名

Signé : SIEU et THUONG

Certifié le présent extrait conforme aux indications portées au registre et
délivré par nous TEK-PENG, Anouc-Montrey de lère cl. Gouverneur-
Adjoint, agissant par Délégation de S.E. le Gouverneur,
Officier de l'Etat-Civil de la Ville de Phnom-Penh, soussigné le quatre
Mars 1938 mil neuf cent cinquante - quatre ./. 5



AN TƯỚNG MẠO và QUÂN-VU

ĐƠN-VỊ : LIÊN-ĐOÀN 65 KTTTĐD

(Đại-Đội 3 Thiết Trĩ Cấp)

Loại : " C "

Của : Đại-Ủy NGUYỄN-HÌNH-CHÁNH

Số quân : 58/107.757

Dùng để : Bổ túc hồ sơ thống thường

H Ọ - T Ị C H

NHÂN DẠNG

Sinh ngày : 10-02-1938 tại : Phnom Penh

Quận : Tỉnh : Cambodge

Nghề nghiệp :

Con của Ông : NGUYỄN-VAN-KHÁNH

và Bà : NGUYỄN-THỊ-THOM

Ngụ tại : 239/5 Lê-Văn-Duyệt - Saigon

Kết hôn ngày 20-9-62 với cô NGUYỄN-THỊ-HAI

Ngụ tại : 521/74 Lê-Văn-Duyệt - Saigon

Giấy phép kết hôn của : số 722, ngày 20-9-62 .

Tóc :

Mắt :

Trán :

Mũi :

Khuôn mặt :

Cao : 1 th

Đầu tích đặc biệt :



Nguyên lai binh nghiệp :

QUÂN - VỤ LIÊN TIẾP

- 28-08-62 : - Thanh niên thuộc hàng tuổi 1959 được gọi nhập ngũ khóa 14 Sinh viên Sĩ-Quan TB Thủ-Đức theo tinh thần sắc lệnh số 177-CP ngày 22-7-61 của Tổng-Thống VNCH . Được gọi phải trình diện Tiểu-Khu học Quân-Vu Thị-Trấn Saigon , do lệnh gọi số 304982 ngày 25-8-62 của Phòng Tuyên Binh Bộ Chỉ Huy 3 Tiếp Vận .
- 30-08-62 : - Đến trình diện tại Tiểu-Khu Quân vụ Thị-Trấn Saigon , và Quân vụ được kê từ ngày ấy (Tham chiếu : Điều 7 Huấn thị số 7118-CP ĐL ngày 4-8-61 của Bộ Quốc Phòng) .
- 15-01-63 : - Đến ITVK Thủ-Đức ngày 14-9-62 , Tham chiếu kết-của khảo sát Binh hướng binh viên Sĩ-Quan Trù bị khóa 14 được phân phối theo học giai đoạn II và ngành chuyên môn Binh chủng Truyền-Tin .
- 16-01-63 : - Thuyên chuyển thăng số đến Trường Truyền-Tin do LTC số 0901/CP/NV/S.221D ngày 15-2-63 của Nha Nhân viên/Bộ Quốc Phòng . Đến học khóa 14 Sĩ-Quan Căn bản Truyền-Tin từ ngày 21-01-63 đến 5-6-63 . Môn khoa chung tại Liên-Trưởng Võ-Rhoa Thủ-Đức ngày 15-6-63 . Được nghỉ 12 ngày phép môn khoa từ 17-6-63 đến 27-6-63 .
- 01-07-63 : - Thuyên chuyển về Liên-Đoàn 64 Truyền-Tin , do LTC số 4085/CP/NV/S.221D ngày 1-8-63 của Nha Nhân viên Bộ Q.P .
- 15-06-63 : - Thang cấp Thượng-Ủy Trù-Bị bởi Nghị-Định số 1.552/CP/NV ngày 26-8-63 của Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng - Sao chuyển dưới số 6985/VT/NV ngày 11-9-63 của Bộ Chỉ-Huy Viên Thông Quân-Tội Việt-Tam Cộng-Hòa .
- 27-07-63 : - Tham chiếu : - Nghị-Định số 1261/CP/NĐ ngày 6-7-63 và SWT số 1072/TTH/1/1/K/TTH/4/TK/K đề ngày 27-7-63 về việc giải tán Liên-Đoàn 64 Truyền-Tin . - Được biệt phái để phục vụ tại Tiểu-Đoàn 640 KTTT trong khi chờ đợi lệnh thuyên-chuyển chính thức ban hành .
- 16-03-64 : - Được Thuyên chuyển đến Tiểu-Đoàn 640 KTTT , do LTC số 1959/BTTL/TCT/CN/BAI/B/K ngày 13-3-64 của Bộ TTL/P.TQT .
- 15-06-64 : - Được thăng cấp Thiếu-Ủy tạm Trù-Bị tạm thời , do Nghị-Định số 1429/CP/NĐ ngày 5-8-64 của Tổng-Trưởng Bộ Quốc Phòng .
- 01-12-64 : - Thiếu-Ủy Trù-Bị tạm thời được điều chỉnh Thiếu-Ủy tạm thời thành thực thụ , do Nghị-Định số 413/CP/NĐ ngày 9-8-65 của Bộ Quốc Phòng .
- 01-12-66 : - Thang cấp Trung-Ủy /TB thực thụ , do Nghị-Định số 009/TTH/NĐ ngày 10-1-67 của Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH .
- 01-04-67 : - Thuyên chuyển về Tiểu-Đoàn 603 TTC do LTC số 138/LĐ65/1/Đ ngày 1-4-67 , của 1 Liên-Đoàn 65 Khai Thác Truyền-Tin Điện Bả .
- 01-09-67 : - Tiểu-Đoàn 603 Thiết Trĩ cấp do LĐ65KTTTĐD quản trị , được tự trị về quân trị nhân viên , bởi Ban-Tiếp số 26.496/TTH/TCT/NV/NH/MC ngày 21-8-67 của Bộ TTH/QLVNCH .
- 01-12-67 : - Thuyên chuyển đến Liên-Đoàn 65 Khai Thác Truyền-Tin Điện Bả (ĐCH/LĐ) do LTC số 8276/LĐ65/1/Đ đề ngày 26-12-67 của Liên-Đoàn 65KTTTĐD .
- 16-03-68 : - Thuyên chuyển về TD603TTC do LTC số 1968/LĐ65/1/Đ ngày 22-3-68 của LĐ65KTTTĐD .

- 01-07-68 : - Dảm nhiệm chức vụ Đại-Đội-Trưởng, Đại-Đội Chỉ-Huy/ĐP3ITC do CD số 4700/LĐ65/1/A2 ký ngày 4-7-68 của Trung-Tả, Liên-Đoàn-Trưởng Liên-Đoàn 65KTITĐD.
- 01-11-68 : - Được thăng cấp Đại-Ủy nhiệm chức, do ND số 580/ITM/ND, ngày 31-10-68 của Bộ-Tổng Tham-Mưu.
- 31-12-68 : - Tiểu-Đoàn 603 Thiết-Trị-Cấp được giải-tân, bởi SVVT số 7928/ITM/P312/TLTV/KHET/K ngày 30-11-68 của Bộ TTM.
- 01-03-69 : - Chuyển chuyên về Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa, do LTC số 0876/LĐ65/1/A2 ký ngày 14-2-69.
- 01-01-69 : - Được chỉ-dịnh thành-lập Cơ-quan thanh-toán TP603 Thiết-Trị-Cấp do SVVT số 0876/LĐ65/1/A2 ngày 14-2-69, của Liên-Đoàn 65 KTITĐD.
- 01-04-70 : - Được chỉ-dịnh kiêm-nhiệm chức vụ Sĩ-quan CTCT/Trưởng Ban Chiến-Tranh Chính-Trị BCH/LĐ65KTITĐD do SVVT số 1505/LĐ65/1/A2 ngày 31-3-70, của LĐ65KTITĐD.
- 01-05-70 : - Được bổ-nhiệm chức vụ Sĩ-quan Chiến-Tranh Chính-Trị/Trưởng Ban CTCT, BCH/LĐ65KTITĐD, do CD số 2385/LĐ65/1/A2 ngày 21-5-70 của LĐ65KTITĐD.
- 01-04-70 : - Đại-Ủy nhiệm chức được điều-chỉnh thành Đại-Ủy thực-thụ do Nghị-Dịnh số 267/TTM/ND ngày 11-4-70 của Bộ TTM.
- 01-04-71 : - Chuyển chuyên đến Đại-Đội 3 Thiết-Trị-Cấp và được bổ-nhiệm giữ chức vụ Đại-Đội-Trưởng/ĐP3ITC do CD số 1487/LĐ65/1/A2 ngày 4-4-72 của Đại-Tả Liên-Đoàn-Trưởng LĐ65KTITĐD ./

CHIẾN-DỊCH :

THANG-ĐIỂN :

TUYÊN-DƯƠNG CÔNG-TRẠNG :

- Tuyên-dương công-trạng trước CQ-ĐOÀN.

HUY-CHƯƠNG :

- | | |
|---------------------|--------------------|
| - CDBT niên hiệu 60 | - ADBT cấp CQ-ĐOÀN |
| - QPBT hạng 5 + 4 | - HVBT / .DD |
| - CVLT " 5 + 4 | - CUBT hạng 2 |
| - TDBT " 1 | - DBT " 1 |
| - KLTB " 1 | - KVBT/DD |
| | - LQHC 'hạng 2 |

TỔNG-ĐẠO :

- TL/ cấp Quân-Đoàn . 1
- TL/ cấp Sư-Đoàn . 6
- TL/ cấp Trung-Đoàn . 4
- TL dân-sự . 2

K H A N :

Đoàn-Tả NGUYỄN-VĂN-LÊ

Trưởng-Đoàn-Trưởng

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

Liên-Đoàn 65 Khai-Thác Truyền-Tin Điện-Dịa

KBC 3416, ngày 13 Th.0. 1973.

Trung-Ủy LÊ-TRẦN-MÂN

Sĩ-Quan Quân-Trị/Liên-Đoàn-Nhau-Viện

(Signature)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG
QUẬN 11

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
ĐỘC LẬP DÂN CHỦ HÒA BÌNH THUNG LẬP

Số hiệu : 03
Số Nam Bộ Năm : 1976

110)) AN - SAO

(7) TẤY - KHAI - TỬ

Họ tên, tuổi, người chết : NGUYỄN THỊ HẢI (NỮ)

Ba Mươi Năm

Nghề nghiệp : Nội trợ

Họ tên, tuổi và quốc tịch:

người cha : NGUYỄN VĂN DIỆU

Họ tên người mẹ :

Ngày chết : Hai mươi chín tháng mười hai
: năm một ngàn chín trăm bảy
: mươi lăm, giờ 9g20'

Nơi chết : Ngõ tư Trần Quốc Toản -
: Lý Thường Kiệt

Địa chỉ người chết : 317/18 Lý Thường Kiệt, Quận
: 11.

Họ tên người hôn phối : NGUYỄN MINH CHANH.

Làm tại Quận 11, ngày 05 tháng 01 năm 1976

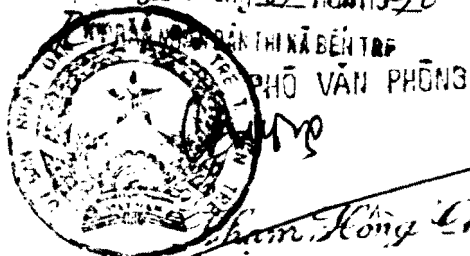
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

(đã ký và đóng dấu)

HỒ VĂN MỊCH

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 8 tháng 01 năm 1976



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH BẾN TRE

Số: 020669 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Kim Bê

Số nhà: 54

Đường phố, ấp: Sông Cù

Thị trấn, phường, xã: Đường

Huyện, thị xã: Giồng Trôm

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng ban an



Tập số: 5

Trang số: 264

THƯỜNG VỤ Đoàn Thanh Niên

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ.

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKHK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn Tuấn	Con	Nam	1946	820501/02	Đoàn 14/Đoàn			
2	Nguyễn Văn Tuấn	Con	Nam	1968	820501/02	Đoàn 14/Đoàn			
3	Nguyễn Văn Tuấn	Con	Nam	1969		Đoàn 14/Đoàn			
4	Nguyễn Văn Tuấn	Con	Nam	1971	820403/05	Đoàn 14/Đoàn			
5	Nguyễn Văn Tuấn	Con	Nam	1					
6	Nguyễn Văn Tuấn	Con	Nam	1971	8203/06/07	Đoàn 14/Đoàn	31/7/85	Đoàn 14/Đoàn	

Ủy Ban Quân Quản
Thành Phố Sài Gòn - Gia-Định

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

Số 03938 /CN

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HỌC TẬP CÁI TẠO



Họ và tên thật Nguyễn Thị Kim Khôi

Tên thường gọi

Ngày sinh 20-04-1946

Quê quán Kiên Hòa

Chỗ ở hiện tại 124/7 Hùng Vương
Chợ Lớn

Số căn cước 00929484 Cấp bậc

Chức vụ công khai Thủ Ký H.C Bình chủng

Chức vụ bí mật Đơn vị

ĐÃ HỌC TẬP BOM NGÀY TẠI BOM Giáo Dục



Nón cái trái



Nón cái phải

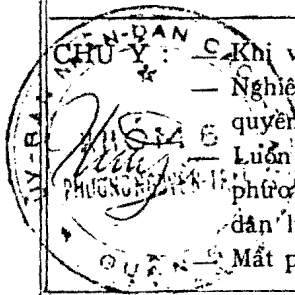
NHÂN DẠNG : Cao 1m 49... Nặng 40... kg
Dấu riêng ...*Tân nhang hén long mũi*...

Sài gòn ngày 18 tháng 7 năm 1975

TM. ỦY BAN QUÂN QUẢN

Ban An Ninh Nội Thành

CAO ĐANG CHIẾM



- Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
- Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020904038**

Họ tên: **NGUYỄN THỊ KIM-**
KHOI

Sinh ngày: **20-4-1946**

Nguyên quán: **Bến Tre.**

Nơi thường trú: **124/7 Hùng-**
Vương, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm cách lơn
trên đầu mày phải.

Ngày 17 tháng 4 năm 1979

T. K. GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRƯỞNG PHÒNG CSI

Trịnh Văn Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường.....
Huyện, Quận.....
Tỉnh, Thành phố...**HÀNG**.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số.....**137/HT**
Quyển số.....



THẺ VÌ GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên **NGUYỄN THỊ KIM KHÔI** Nam hay nữ
Ngày, tháng, năm sinh **Ngày hai mươi tháng tư, năm một chín bốn sáu**
(20.4.1946)
Nơi sinh **An Khánh Xã , Gia Định**
Dân tộc Quốc tịch

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn thị Hân	Nguyễn Văn Hành
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	/	/
Nơi thường trú		

5/89 QĐ 261/QĐ - HT

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Người đứng khai

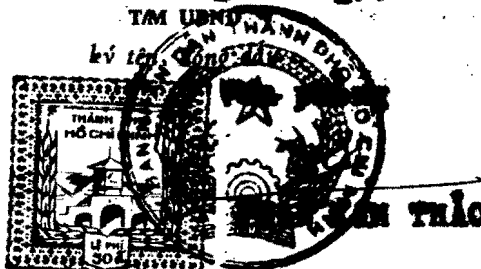
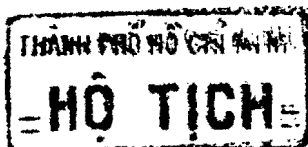
Đăng ký ngày **29** tháng **1** năm 19 **91**
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **20** tháng **1** năm **1990**

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên **Đỗ Văn Thảo**



Xã, Thị trấn: Lương Quới
Thị xã, Quận: Giồng Trôm
Thành phố, Tỉnh: Bến Tre
★

BẢN SAO

Số: 28Quyển: I

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	NGUYỄN MINH CHANH	NGUYỄN THỊ KIM KHÔI
Bí danh		
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	10-02-1938	20-04-1946
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm vườn	Công nhân viên
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	Ấp Lương Thuận Xã Lương Quới Huyện Giồng Trôm Tỉnh Bến Tre	Ấp Lương Thuận Xã Lương Quới Huyện Giồng Trôm Tỉnh Bến Tre
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	320493795	020904039

Người chồng ký

Chanh

Người vợ ký

Khôi

Đăng ký, ngày 18 tháng 12 năm 1979TM. UBND Lương Quới

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên, chức vụ)

Đã ký và đóng dấu

Ủy Viên Thủ ký Đỗ Thị Giót

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 03 năm 1990TM. UBND Lương Quới
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên, chức vụ)

Trần Thanh Hải

BẢNG KÊ KHAI THẨM NIÊN CÔNG VỤ

Của Cô : NGUYỄN THỊ KIM KHÔI
Ngạch trật : Thư Ký Học Chánh Tập Sự
Tung sự tại : Nha Sư Phạm và Giáo Dục Tráng Niên
Chức vụ : Thư Ký (Phòng Kế Toán)
Ngày nhận việc tại Nha Sư Phạm : 27.12.1972.

A.- THẨM NIÊN CÔNG-VỤ NGOẠI NGẠCH :

- Thư Ký Công Nhựt B2/1 tại Bệnh Viện Chợ Rẫy
từ ngày 27.12.66 đến 01.01.69 (QĐ số: 7336-
BYT/NV2/QĐ ngày 20.12.67) 02 năm 00 tháng 05 ngày
- Thư Ký Công nhựt B2/2 tại Bệnh Viện Chợ Rẫy
từ ngày 01.01.69 đến 01.01.71 (QĐ số: 4297-
BYTXHCT/1/NV2/QĐ ngày 21.7.69) 02 năm 00 - 00 -
- Thư ký Công Nhựt B2/3 tại Bệnh Viện Chợ Rẫy
từ ngày 01.01.71 đến 26.12.72 (QĐ số: 8688-
BYT/NVNNL/QĐ ngày 04.11.71) 01 năm 11 - 26 -

Cộng thẩm niên công vụ ngoại ngạch : 06 năm 00 tháng 00 ngày

B.- THẨM NIÊN CÔNG VỤ TRONG NGẠCH :

- Thư Ký Học Chánh Tập sự từ ngày 27.12.72 đến
31.12.73 (QĐ : 1380-GD/HV/HCQC/Hp/NĐ ngày
31.05.73) : 01 năm 00 tháng 05 ngày

TỔNG CỘNG THẨM NIÊN NGOẠI NGẠCH + TRONG NGẠCH : 07 năm 00 tháng 05 ngày
(Tính đến 31.12.1973)

Saigon, ngày 19 tháng 1 năm 1973.
GIÁM ĐỐC NHÀ SƯ PHẠM VÀ GDTN,

GS. NGUYỄN QUÝ BÔNG

Việt-Nam Cộng-Hòa
Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục
và Thanh-Niên

Nghị-Định số 1380/GD/NV/HCQC/Hp/ND ngày
31-5-1973 hợp-thức-hóa việc tạm bổ Bà Trương
Thị-Ngoan và 5 nhân-viên khác vào ngạch Thư-Ký
Học-Chánh tập-sự .-

TỔNG-TRƯỞNG BỘ GIÁO-DỤC,

- Chiếu-Hiến Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967;
- Chiếu Nghị-Định số 420-GD/QĐNV/ND ngày 16-3-1967 ấn-định quy chế riêng ngạch Thư-Ký Học-Chánh;
- Chiếu Nghị-Định số 1013, 1942, GD/HCQC/H ngày 22-5-1971 và 22-6-1972 mở kỳ thi chuyên nghiệp nhập ngạch Thư-Ký Học-Chánh;
- Chiếu Sự-Vụ-Lệnh số 3149-3151-3705-3706-GD/NV/HCQC/SVL ngày 15-11-1971 và 2.12.1972 tạm bổ vào ngạch Thư-Ký Học-Chánh các thí sinh trúng tuyển;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ ;

N G H Ị - Đ I N H

Điều 1.- Để hợp-thức-hóa 6 nhân-viên sau đây trúng tuyển kỳ thi chuyên nghiệp nhập ngạch Thư-Ký Học-Chánh khóa ngày 2-9-1971 và 15.9.1972 đã được tạm bổ do các Sự-Vụ-Lệnh chiếu thượng, nay được thiết thọ bổ vào ngạch Thư-Ký Học-Chánh ở trật tập-sự thâm niên và lương bổng kể từ ngày ghi chú dưới đây :

Họ và tên	Số tr:	Nhiệm sở	Trật được	Thâm niên và:	Cước-Chú
ngày và nơi sinh	tịch:		bổ	lương bổng	
Hoàng-Thị-Vân-Hồng	617	Nha Sư-Phạm: TKHC/TS	30.12.1972		
17.3.1949 Ninh-Bình		và GDTN	CSL 270		
Nguyễn-Thị-Kim-Khôi	618	-nt-	-nt-	27-12-1972	
20.4.1946 Gia-Định					
Huyền-Thị-Ba	619	-nt-	-nt-	11.12.1972	
1.1.1945 Chợ-Lớn					

Điều 2.- Thủ-Trưởng, Phụ-Tá Đặc-Biệt Tổng-Trưởng, Đồng-Lý Văn-Phòng và Tổng-Thư-Ký Bộ Giáo-Dục, chiếu nhiệm-Vụ thi-hành Nghị-Định này.

- Chiếu Hội Công-Vụ ngày 21.4.73
- K S U C ngày 19.5.1973
- Kiểm nhận Hưu bổng số III3/HT ngày 4.5.1973

Nơi nhận:

- Nha Sư-Phạm và GDTN (6b, 3b để tổng đạt)
- Nha Trung-Học/-Sở KSUC cạnh Bộ VHGD và TN

Saigon, ngày 31 tháng 5 năm 1973
TUN. Tổng-Trưởng Văn-Hóa Giáo-Dục
và Thanh-Niên
Đồng-Lý Văn-Phòng
Ký tên: Nguyễn-Xuân-Huệ
Phó Bản:

Phó Tổng Thư-Ký
Ký tên: Phạm-Đình-Thắng
Sao Y Bản Chánh:
Chủ Sự Phòng Nhân Viên
Hành Chánh và Quy Chế
Ký tên: Trần-Quang-Vinh

TRÍCH SAO Y:

Phụ-Tá Giám-Đốc Nha Sư-Phạm
và Giáo-Dục Tráng-Niên



NGUYỄN-VĂN-LUOM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **320615314**

Họ tên **NGUYỄN-MINH-MÃN**

Sinh ngày **19-07-1968**

Nguyên quán

H. Bình Đại, T. Bến Tre.

Nơi thường trú **Xã Lương Quới**

H. Giồng Trôm, T. Bến Tre.

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thẳng 1,3cm cách
1,5cm trên trước
mép phải.

Ngày 07 tháng 07 năm 1983

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Đặng Quang Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã phường Lương Quới Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Giồng Trôm
Tỉnh, Thành phố Bến Tre

TP/HT
Số 16
Quyển 3



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN MINH MÃN Nam hay Nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Mười Chín Tháng Bảy Năm Một Ngàn Chín Trăm Sáu Mười Tám (19-07-1968)
Nơi sinh xã Vĩnh Trinh, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Kim Khôi</u>	<u>Nguyễn minh Chánh</u>
Tuổi	<u>1946</u>	<u>1938</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm vườn</u>	<u>Làm vườn</u>
Nơi thường trú	<u>xã Lương Quới, Huyện Giồng Trôm, Bến Tre</u>	<u>xã Lương Quới, Huyện Giồng Trôm, Bến Tre</u>

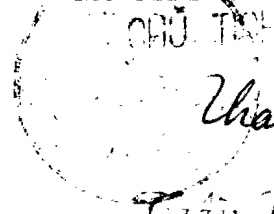
Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn minh Chánh, 1938
xã Lương Quới, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre

Đăng ký ngày 05 tháng 08 năm 1980
Người đứng khai ký
Chánh
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
xã Lương Quới
Chủ Tịch
Nguyễn văn Bon

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 03 năm 1990

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU



Trần Văn Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022377004**

Họ tên **NGUYỄN THỊ MINH -**
HÀNG

Sinh ngày **26-03-1971**

Nguyên quán **Bình Đại**
Bến Tre

Nơi thường trú **Tân Tiến, Tân T**
Hội Củ Chi TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

Thiên chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Số cách làm trước
dấu này phải



NGÓN TRỎ PHẢI



10 năm 1986.

TRƯỞNG TY CÔNG AN

[Signature]

Thẩm định

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã phường Lương Quới Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Giồng Trôm
Tỉnh, Thành phố Bến Tre

TP/HT
Số 18
Quyển 3



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ MINH HANG Nam hay Nữ nu
Ngày, tháng, năm sinh Hai Mươi Bốn Tháng Tám Năm Một Ngàn Chín
Trăm Bảy mươi Một (24-08-1971)
Nơi sinh xã Vĩnh Trinh, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Kim Khôi</u>	<u>Nguyễn minh Chánh</u>
Tuổi	<u>1946</u>	<u>1938</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm vườn</u>	<u>Làm vườn</u>
Nơi thường trú	<u>xã Lương Quới, Giồng Trôm, Bến Tre</u>	<u>xã Lương Quới, Giồng Trôm, Bến Tre</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn minh Chánh, 1938

xã Lương Quới, Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre

Người đứng khai ký
Chánh

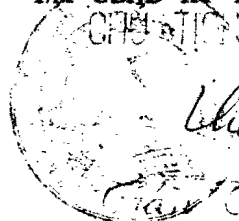
Đăng ký ngày 05 tháng 08 năm 1980

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
xã Lương Quới
Chủ tịch,
Nguyễn văn Bon

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 03 năm 1990

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU



Khánh khai

Chánh

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 478258 CN

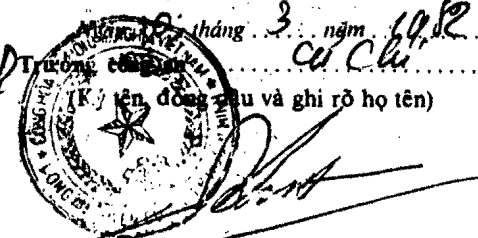
Họ và tên chủ hộ :

Ấp, ngõ, số nhà :

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường :

Huyện :



Số NK 3 :

FROM

Nguyen Kim Khai

12407 Hung Vuong

P. O. Box 5 Ho Chi Minh

- VIET-NAM

FIRST CLASS

TO

MRS KHUC MINH THO

P. O. Box 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635 **ZIP**



My right hand Chaud

5282

17446 35

$\frac{12}{19}/3$

12



^{^2}
NGUYỄN MINH
CHÁNH
10.02.1938



Nguyễn Thị
Kim Khôi
20.04.1946



^{^2}
NGUYỄN MINH
^{^2}
MẠNH
19.07.1968



^{^2}
NGUYỄN THỊ
^{^2}
MINH HẠNG
24.08.1971

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ CDP/Date
____ Membership Letter

5/10/90